

Số: 244 /BC-BYT

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2022

BÁO CÁO**Tình hình dịch và kết quả triển khai công tác phòng, chống dịch Covid-19
(Từ 16h00 ngày 22/02/2022 đến 16h00 ngày 23/02/2022)**

Bộ Y tế (Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo Quốc gia) báo cáo tình hình dịch và kết quả triển khai công tác phòng, chống dịch Covid-19 như sau:

I. Tình hình dịch bệnh trên thế giới

Trong 24h qua, thế giới ghi nhận hơn 1,6 triệu ca mắc mới và hơn 8.800 ca tử vong. Tổng số ca mắc COVID-19 trên toàn cầu vượt 428,3 triệu ca, trong đó trên 5,9 triệu ca tử vong.

Bộ Y tế Thái Lan đã nâng cảnh báo COVID-19 lên cấp độ 4, ngay sát mức cao nhất, sau khi có sự gia tăng mạnh các ca mắc biến thể Omicron trên toàn quốc. Động thái này được đưa ra trong bối cảnh số ca nhiễm mới, ca nặng và các trường hợp tử vong tiếp tục gia tăng, trong khi nguy cơ lây nhiễm ngày càng tăng giữa các thành viên trong gia đình và những người thân quen do tham gia các hoạt động tập thể như đi ăn, chơi thể thao, dự đám cưới và viếng đám tang. Tuy nhiên, Trung tâm Xử lý Tình hình COVID-19 (CCSA) cho biết sẽ không áp đặt lại phong tỏa để chấm dứt đợt bùng phát hiện tại. Cơ quan này sẽ tập trung theo dõi số lượng các trường hợp tử vong và các trường hợp nghiêm trọng, thay vì sự gia tăng số ca mắc mới.

Tổ chức Y tế thế giới (WHO) ngày 22/2 đánh giá dòng phụ BA.2 của biến thể Omicron, còn được gọi là "Omicron tăng hình" không mạnh hơn phiên bản gốc của Omicron (BA.1). Bà Maria Van Kerkhove, quan chức đứng đầu nhóm phụ trách kỹ thuật của WHO, cho biết dựa trên các mẫu của những người từ nhiều quốc gia khác nhau, các chuyên gia của WHO nhận thấy "không có sự khác biệt về mức độ gây bệnh nghiêm trọng giữa biến thể BA.1 và BA.2, do đó có thể nói khả năng gây bệnh nặng và nguy cơ nhập viện giữa hai phiên bản này là tương tự nhau".

II. Tình hình dịch bệnh tại Việt Nam

Tính đến 16h00 ngày 23/02/2022, cả nước ghi nhận 2.972.378 ca mắc, trong đó 2.966.662 ca trong nước. Đến nay đã có 2.320.722 người khỏi bệnh, 39.682 ca tử vong. Trong đợt dịch thứ 4 đã ghi nhận 2.969.526 ca, trong đó có 2.965.092 ca trong nước (99,8%), 2.351.531 người đã khỏi bệnh (79,2%), 39.647 tử vong tại 60 tỉnh, thành phố (chi tiết tại Phụ lục 1).

III. Tình hình dịch trong ngày**1. Số ca mắc mới trong ngày**

- Ghi nhận 60.355 ca mắc mới, trong đó 60.338 ca ghi nhận trong nước (tăng 4.467 ca so với ngày trước đó) tại 62 tỉnh, thành phố.

+ Các địa phương ghi nhận trong ngày: Hà Nội (7.419), Bắc Giang (2.998), Hải Dương (2.944), Hòa Bình (2.595), Bắc Ninh (2.505), Phú Thọ (2.499), Nam Định (2.203), Vĩnh Phúc (2.013), Quảng Ninh (1.868), Hải Phòng (1.816), Ninh Bình (1.739), Hưng Yên (1.617), Yên Bái (1.556), Nghệ An (1.525), Thái Nguyên (1.499),

Hồ Chí Minh (1.451), Lào Cai (1.406), Thái Bình (1.385), Lạng Sơn (1.322), Khánh Hòa (1.296), Tuyên Quang (1.277), Đắk Lắk (1.262), Quảng Nam (1.097), Bình Định (1.059), Hà Giang (1.057), Đà Nẵng (918), Cao Bằng (873), Quảng Bình (825), Thanh Hóa (803), Bình Phước (731), Hà Tĩnh (694), Lâm Đồng (636), Điện Biên (560), Bà Rịa - Vũng Tàu (515), Hà Nam (448), Phú Yên (388), Cà Mau (378), Bình Dương (373), Lai Châu (371), Quảng Trị (327), Gia Lai (314), Đắk Nông (264), Thừa Thiên Huế (226), Bình Thuận (185), Kon Tum (155), Tây Ninh (142), Quảng Ngãi (108), Bắc Kạn (103), Bạc Liêu (98), Đồng Nai (92), Bến Tre (84), Vĩnh Long (69), Trà Vinh (50), Long An (49), Cần Thơ (41), Đồng Tháp (30), Ninh Thuận (19), Sóc Trăng (18), An Giang (14), Tiền Giang (12), Hậu Giang (9), Kiên Giang (8).

+ Có 17 ca nhập cảnh ghi nhận tại Tây Ninh (8), Hà Nội (3), Bà Rịa - Vũng Tàu (3), Hòa Bình (1), Quảng Ninh (1), Thanh Hóa (1).

- Trong ngày, ghi nhận báo cáo bổ sung 21.771 ca mắc COVID-19 tại tỉnh Vĩnh Phúc sau khi ghi nhận đầy đủ thông tin.

- TP. Hà Nội: Trong ngày ghi nhận 7.419 ca mắc, trong đó 2.936 ca sàng lọc tại cơ sở y tế, 2.483 ca tầm soát trong cộng đồng và 2.000 ca trong khu cách ly. Số mắc mới (7.419 ca) được phân bố tại 30 quận, huyện như sau: Bắc Từ Liêm 534, Ba Đình 524, Hoàng Mai 510, Long Biên 484, Nam Từ Liêm 467, Đông Anh 461, Đống Đa 441, Cầu Giấy 374, Hoàn Kiếm 359, Gia Lâm 334, Hai Bà Trưng 301, Hà Đông 282, Chương Mỹ 210, Thanh Xuân 207, Tây Hồ 198, Hoàn Kiếm 198, Mê Linh 198, Đan Phượng 113, Sóc Sơn 85, Thanh Trì 82, Phú Xuyên 76, Ba Vì 69, Mỹ Đức 52, Phúc Thọ 48, Thường Tín 32, Quốc Oai 26, Thạch Thất 16, Thanh Oai 10, Ứng Hòa 9, Sơn Tây 1 và 718 ca đang điều tra.

- Các địa phương ghi nhận số ca mắc trong ngày giảm nhiều so với ngày trước: Sơn La (giảm 1.494), Lào Cai (giảm 650), Bắc Ninh (giảm 337).

- Các địa phương ghi nhận số ca mắc trong ngày tăng so với ngày trước: Hà Giang (tăng 876), Hà Nội (tăng 559), Lạng Sơn (tăng 557).

- Đến nay Việt Nam đã ghi nhận 205 ca mắc COVID-19 do biến thể Omicron tại 18 tỉnh, thành phố: TP. Hồ Chí Minh (97), Quảng Nam (27), TP. Hà Nội (18), Khánh Hòa (11), Đà Nẵng (8), Kiên Giang (4), Quảng Ninh (20), Thanh Hóa (2), Hải Dương (2), TP. Hải Phòng (1), Long An (2), Bà Rịa - Vũng Tàu (1), Bình Dương (2), Lâm Đồng (1), Ninh Bình (1), Hưng Yên (6), Bình Phước, An Giang (1).

2. Kết quả giám sát các trường hợp mắc trong cộng đồng

- Cả nước ghi nhận 42.145 ca mắc trong cộng đồng (chiếm 69,8% tổng số mắc trong ngày), tăng 2.717 ca so với ngày trước đó.

- Một số địa phương ghi nhận số mắc trong ngày trong cộng đồng, gồm:

+ TP. Hà Nội: Trong ngày ghi nhận 5.419 ca cộng đồng (giảm 558 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 218.100 ca.

+ TP. Đà Nẵng: Trong ngày ghi nhận 810 ca cộng đồng (giảm 53 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 51.609 ca.

+ TP. Hải Phòng: Trong ngày ghi nhận 1.816 ca thông qua sàng lọc (tăng 51 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 57.284 ca.

+ Tỉnh Bắc Ninh: Trong ngày ghi nhận 1.642 ca cộng đồng (giảm 574 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 66.530 ca.

+ Tỉnh Hòa Bình: Trong ngày ghi nhận 2.189 ca cộng đồng (tăng 614 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 31.333 ca.

- Trong 7 ngày qua, các địa phương ghi nhận số mắc trong cộng đồng tăng so với 7 ngày trước đó: TP. Hà Nội tăng 12.020 ca, Quảng Ninh tăng 7.535 ca; các địa phương ghi nhận số mắc trong cộng đồng giảm: Quảng Ngãi (giảm 268 ca), Vĩnh Long (giảm 148 ca), Kon Tum (giảm 66 ca).

3. Kết quả giám sát điều trị

- Từ đầu giai đoạn 4 đến nay, có 2.351.531 người đã khỏi bệnh (79,2%), tăng 15.641 người so với ngày trước đó. Hiện nay đang điều trị, giám sát 578.348 trường hợp, trong đó có 3.263 trường hợp nặng đang điều trị, trong đó: (1) Thở ô xy qua mặt nạ: 2.579 (2) Thở ô xy dòng cao HFNC: 316; (3) Thở máy không xâm lấn: 104; (4) Thở máy xâm lấn: 251; (5) EMO:13.

- Trong ngày 22/02, ghi nhận 77 trường hợp tử vong (giảm 27 trường hợp so với ngày trước đó), gồm: Hà Nội (17), Thanh Hóa (8 ca trong 02 ngày), Nghệ An (6), Bình Định (4), Kiên Giang (4), Phú Yên (4), Đà Nẵng (3), Đắk Lắk (3), Hòa Bình (3), Vĩnh Long (3), Bình Phước (2), Hải Phòng (2), Khánh Hòa (2), Lâm Đồng (2), Nam Định (2), Sóc Trăng (2), Bến Tre (1), Bình Thuận (1), Cần Thơ (1), Cao Bằng (1), Đồng Tháp (1), Gia Lai (1), Ninh Bình (1), Quảng Ngãi (1), Thái Bình (1), TP. Hồ Chí Minh (1).

IV. Công tác chỉ đạo, điều hành

- Bộ Y tế ban hành Quyết định số 405/QĐ-BYT ngày 22/02/2022 về việc ban hành Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị COVID-19 ở trẻ em.

- Bộ Y tế phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan khẩn trương hoàn thiện các hệ thống, đảm bảo cấp "hộ chiếu vaccine" cho người dân trong thời gian sớm nhất.

- Bộ Y tế tham dự Hội nghị trực tuyến về nâng cao hiệu quả thông quan hàng hóa và hợp tác phòng chống dịch tại cửa khẩu biên giới Việt-Trung” do Bộ Công thương phối hợp với Chính quyền tỉnh Vân Nam tổ chức.

- Tiếp tục cập nhật đánh giá cấp độ dịch tại địa phương theo Nghị quyết số 128/NQ-CP của Chính phủ trên Cổng thông tin Bộ Y tế.

V. Công tác xét nghiệm:

Tính đến ngày 22/2/2022, cả nước đã thực hiện xét nghiệm được 39.010.774 mẫu cho 82.412.770 lượt người được xét nghiệm, trong đó từ 29/4/2021 – nay đã thực hiện xét nghiệm được 33.277.610 mẫu tương đương 78.664.831 lượt người, tăng 73.823 mẫu so với ngày trước đó. Về việc gộp mẫu bệnh phẩm, từ ngày 16/8/2020 đến nay cả nước đã thực hiện 6.844.879 mẫu gộp cho 48.347.939 lượt người.

VI. Công tác tiêm chủng:

1. Tiến độ tiếp nhận vắc xin

Tổng số vắc xin đã tiếp nhận đến ngày 23/02/2022 là 213.663.114 liều, cụ thể:

TT	Loại vắc xin	Nguồn Ngân sách nhà nước mua	Nguồn viện trợ, tài trợ				Tổng số vắc xin đã tiếp nhận
			Tổng viện trợ, tài trợ	Viện trợ COVAX	Viện trợ Chính phủ các nước	Tài trợ doanh nghiệp	
	(1)	(2)	(3) = 4+5+6	(4)	(5)	(6)	(7)=2+3
1	AstraZeneca	30.327.036	32.863.320	12.927.860	19.549.060	386.400	63.190.356
2	Pfizer	50.999.130	26.376.270	23.999.040	2.377.230	0	77.375.400
3	Moderna	0	14.077.160	14.036.360	40.800	0	14.077.160
4	Sinopharm	20.000.000	32.261.200	61.200	7.200.000	25.000.000	52.261.200

5	Abdala	5.000.000	150.000	0	150.000	0	5.150.000
6	Sputnik V	0	1.508.998	0	32.000	1.476.998	1.508.998
7	Sputnik Light	0	100.000	0	100.000	0	100.000
I	Tổng số vắc xin đã tiếp nhận	106.326.166	107.336.948	51.024.460	29.449.090	26.863.398	213.663.114
II	Tổng số vắc xin đã phân bổ						200.423.246
III	Số vắc xin viện trợ cho Lào						500.000
IV	Số vắc xin chưa phân bổ						12.739.868

Bộ Y tế đã tiếp nhận đủ số vắc xin mua từ nguồn Ngân sách Nhà nước. Trong tổng số 213,7 triệu liều đã tiếp nhận, đã phân bổ 200,4 triệu liều và viện trợ cho Lào 500.000 liều vắc xin AstraZeneca, còn khoảng 12,7 triệu liều¹ chưa phân bổ do mới được tiếp nhận, cần tiến hành các thủ tục để kiểm định chất lượng, xuất xưởng vắc xin.

2. Kết quả tiêm chủng đến hết ngày 22/02/2022

Cả nước đã tiêm 192.403.481 liều (trong ngày tiêm được 327.532 liều), tỷ lệ sử dụng đạt 96,0% số vắc xin phân bổ 126 đợt. Tỷ lệ tiêm trên các nhóm đối tượng như sau:

Đối tượng	Mũi 1	Mũi 2	Mũi 3*
Người lớn (>=18 tuổi) ²	100,0%	97,8%	32,6%
Trẻ em (12-17 tuổi)	98,5%	93,3%	-

Ghi chú: () Mũi nhắc lại*

- Số liều tiêm cho người từ 18 tuổi trở lên là 175.435.286 liều:

+ Mũi 1: 70.798.317 liều

+ Mũi 2: 68.684.565 liều³; Mũi bổ sung: 13.554.051 liều.

+ Mũi 3: 22.398.353 liều

60/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ mũi 2 trên 90%.

3/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ mũi 2 dưới 90%⁴.

- Số liều tiêm cho trẻ từ 12-17 tuổi là 16.968.195 liều:

+ Mũi 1: 8.713.170 liều

+ Mũi 2: 8.255.025 liều.

52/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ mũi 2 trên 90%.

9/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ mũi 2 từ 80-dưới 90%⁵.

¹ 12,7 triệu liều chưa phân bổ gồm: 9,1 triệu liều Pfizer mua; 0,1 triệu liều Sputnik Light do Nga viện trợ; 0,5 triệu liều Sinopharm do Trung Quốc viện trợ; 1,6 triệu liều Moderna (liều 0,5ml) và 1,4 triệu liều AstraZeneca do COVAX viện trợ.

² Hiện tại có sự di biến động dân cư, đặc biệt trong nhóm đối tượng từ 18 tuổi trở lên. Số liệu đối tượng từ 12-17 tuổi và từ 18 tuổi trở lên đang tổng hợp theo Công văn số 3614/VSDTTU-TCQG ngày 31/12/2021 của Viện VSDTTU và theo điều chỉnh của địa phương sau đó (nếu có).

³ Bao gồm 1.452.743 liều Abdala mũi 3. Vắc xin Abdala có lộ trình tiêm 3 liều cơ bản, mỗi liều cách nhau 14 ngày.

⁴ Thanh Hóa (89,4%), Cao Bằng (88,9%) và Bình Dương (82,5%).

⁵ Bắc Cạn, Hà Giang, Quảng Bình, Quảng Trị, Gia Lai, Đắk Lắk, TP. HCM, Cần Thơ, Đồng Tháp.

2/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ mũi 2 dưới 80%⁶.

(Chi tiết phân bố và kết quả tiêm chủng của địa phương tại Phụ lục đính kèm)

VII. Hoạt động của các Bộ, ngành: chi tiết tại Phụ lục 4.

VIII. Nhận định

Đến nay dịch bệnh cơ bản đang được kiểm soát trên phạm vi cả nước. Tất cả các địa phương đều đã chuyển sang trạng thái “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19” theo Nghị quyết 128/NQ-CP của Chính phủ. Tuy vậy, số mắc mới có xu hướng gia tăng nhanh tại hầu hết các tỉnh, thành phố trong 02 tuần qua.

Các trường học đã từng bước mở cửa trở lại và Chính phủ đã thống nhất chủ trương mở cửa du lịch từ 15/3/2022, có thể sẽ tiếp tục ghi nhận nhiều chuỗi lây nhiễm và tiềm ẩn nguy cơ lây lan dịch bệnh trong cộng đồng, kể cả biến thể Omicron và thậm chí có thể sẽ có những biến thể mới khác ngoài biến thể Omicron, trong bối cảnh dần mở cửa các hoạt động xã hội, phát triển kinh tế trở lại sẽ làm gia tăng số nhập viện tạo áp lực lớn lên hệ thống chăm sóc y tế, đặc biệt tác động đến các nhóm đối tượng nguy cơ cao mắc bệnh nặng (người già, người có bệnh nền).

IX. Một số hoạt động trọng tâm trong thời gian tới

1. Các bộ, ngành, địa phương tiếp tục thực hiện nghiêm, hiệu quả Nghị quyết số 128/NQ-CP và Quyết định số 218/QĐ-BYT ngày 27/01/2022; linh hoạt tăng cấp độ phòng, chống dịch (từ cấp độ 3 lên cấp độ 4) ở một số khu vực có diễn biến dịch phức tạp để nhanh chóng kiểm soát tình hình, ngăn chặn hiệu quả lây nhiễm. Thực hiện hiệu quả nguyên tắc: 5K+ vắc xin, thuốc điều trị + công nghệ + ý thức người dân.

2. Về công tác y tế:

(1) Triển khai bảo đảm tiến độ tiêm vắc xin; tăng cường vận động người dân tiêm vắc xin, đi từng ngõ, gõ từng nhà, rà từng người để tránh bỏ sót; các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh rà soát và tổ chức tiêm liều cơ bản và liều bổ sung cho người trên 50 tuổi, người có bệnh nền đến khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở; sau khi đã tiêm đủ liều cơ bản thì triển khai tiêm liều bổ sung và liều nhắc lại theo thứ tự ưu tiên; chủ động tiếp cận trước các nguồn vắc xin cho trẻ em dưới 12 tuổi (trước mắt là vắc xin Pfizer theo đa số quốc gia trên thế giới) và tiêm ngay theo khuyến cáo của Tổ chức Y tế thế giới. Trước mắt tiêm vắc xin phòng COVID-19 miễn phí cho người dân; sau khi tiêm đủ liều bổ sung, từng bước nghiên cứu cơ chế tiêm vắc xin dịch vụ sau khi tiêm đủ 3 mũi

(2) Nâng cao năng lực tư vấn, hỗ trợ điều trị COVID-19, dự phòng cơ sở thuốc kháng vi rút, thuốc hỗ trợ điều trị COVID-19, vật tư y tế cần thiết...tại các trạm y tế phường, xã, trạm y tế lưu động nhằm đáp ứng nhu cầu tự điều trị COVID-19 tại nhà của người dân và giảm tải cho các cơ sở y tế, bệnh viện tuyến trên. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong tư vấn hỗ trợ người dân tự điều trị tại nhà”.

(3) Nâng cao năng lực thu dung, điều trị; giảm tối đa các trường hợp tử vong; chủ động, sẵn sàng các các biện pháp phòng, chống dịch theo diễn biến dịch bệnh trên địa bàn nhằm phát hiện sớm, điều trị sớm, hạn chế tối đa các trường hợp chuyển biến nặng, tử vong; tăng cường theo dõi, giám sát sức khỏe người nhiễm vi rút để kịp thời liên hệ với cơ sở y tế ngay khi có nhu cầu. Phân bổ đủ thuốc kháng vi rút để phục vụ công tác điều trị người bệnh COVID-19. Khuyến khích thành lập các mô hình đội tình nguyện; huy động sự tham gia của các tổ chức tôn giáo, tình nguyện viên...để tổ chức

⁶ Điện Biên (78,6%) và Bình Dương (73,1%).

triển khai hoạt động chăm sóc F0 dựa vào cộng đồng; về cơ bản chuyển điều trị tại cộng đồng.

(4) Tăng cường đảm bảo an toàn phòng, chống dịch trong các khu công nghiệp, trường học; kiểm tra phòng, chống dịch tại các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, nhất là tại bệnh viện, cơ sở sản xuất, chợ, siêu thị, nhà ga, sân bay, bến xe...

(5) Tiếp tục đôn đốc, hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, đơn vị khẩn trương nhập khẩu, sản xuất thuốc điều trị COVID-19; thúc đẩy thử nghiệm, chuyển giao công nghệ, sản xuất vắc xin, thuốc điều trị COVID-19 trong nước.

3. Tiểu ban An ninh trật tự, Ban chỉ đạo của Bộ Công an về phòng chống dịch tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo triển khai và hoàn thành công tác trọng tâm bảo đảm an ninh, trật tự phục vụ phòng, chống dịch bệnh.

4. Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp chặt chẽ với Bộ Y tế thường xuyên đánh giá, nhận định về tình hình dịch để đánh giá nguy cơ dịch COVID-19 bùng phát khi cho học sinh quay lại trường học, từ đó có các hình thức tổ chức dạy học và biện pháp phòng, chống dịch trong các trường học phù hợp với từng cấp độ dịch, chọn thời điểm thích hợp sớm đưa trẻ em quay lại trường học.

5. Tiếp tục rà soát tổng thể các chính sách an sinh xã hội đang triển khai để kịp thời cập nhật, bổ sung phù hợp với tình hình thực tế; phối hợp chặt chẽ với các tiểu ban, cơ quan chức năng liên quan, chính quyền địa phương thực hiện nhiệm vụ an sinh xã hội thiết thực, hiệu quả, phù hợp, thích ứng tình hình mới theo Nghị quyết số 128/NQ-CP của Chính phủ.

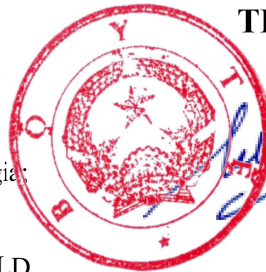
6. Tiếp tục triển khai các giải pháp về tài chính, hậu cần; thường xuyên rà soát về nhân lực, vật tư, thiết bị y tế, cơ sở điều trị để đáp ứng với diễn biến dịch bệnh trên địa bàn, bảo đảm nguồn lực cho phòng, chống dịch.

Bộ Y tế kính báo cáo Thủ tướng Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam (để báo cáo);
- Các Đồng chí PTT Chính phủ (để báo cáo);
- Các Văn phòng: TƯ, QH, CTN, CP;
- Đoàn Kiểm tra 35;
- Các Đồng chí thành viên Ban chỉ đạo Quốc gia;
- Đồng chí Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Đồng chí Thứ trưởng;
- Các Vụ, Cục thuộc Bộ Y tế: YTDP, KCB, QLD, MT, KHTC, TTKT;
- Lưu: VT, DP.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Trường Sơn

Phụ lục 1: Tổng hợp số mắc, tử vong trong nước từ 27/4/2021

TT	Địa phương, đơn vị	Số mắc ngày 22/02	Số mắc ngày 23/02	Tăng, giảm (-) so với ngày trước	Số mắc tích lũy đến 23/02	Số tử vong tích lũy đến 22/02
Có lây nhiễm thứ phát trong 14 ngày qua:		55.871	60.338	4.467	2.964.890	39.647
1	Hồ Chí Minh	1.352	1.451	99	523.593	20.406
2	Bình Dương	132	373	241	294.644	3.395
3	Hà Nội	6.860	7.419	559	218.100	852
4	Đồng Nai	37	92	55	100.666	1.727
5	Tây Ninh	113	142	29	89.370	842
6	Khánh Hòa	1.213	1.296	83	69.616	304
7	Vĩnh Phúc	1.811	2.013	202	69.114	14
8	Bắc Ninh	2.842	2.505	(337)	66.530	103
9	Cà Mau	351	378	27	59.331	290
10	Hải Phòng	1.798	1.816	18	57.284	106
11	Vĩnh Long	40	69	29	54.533	770
12	Bình Phước	429	731	302	52.378	187
13	Đà Nẵng	946	918	(28)	51.609	215
14	Đồng Tháp	47	30	(17)	47.921	959
15	Bình Định	835	1.059	224	46.757	195
16	Cần Thơ	46	41	(5)	44.785	906
17	Bến Tre	64	84	20	43.027	400
18	Long An	27	49	22	42.057	987
19	Hải Dương	2.485	2.944	459	41.139	43
20	Nghệ An	1.441	1.525	84	40.450	74
21	Nam Định	1.943	2.203	260	38.790	49
22	Trà Vinh	37	50	13	38.655	242
23	Thanh Hóa	995	803	(192)	38.398	51
24	Bạc Liêu	50	98	48	36.371	382
25	An Giang	9	14	5	35.803	1.321
26	Tiền Giang		12	12	35.456	1.220
27	BRVT	441	515	74	35.444	455
28	Bắc Giang	2.500	2.998	498	35.288	24
29	Quảng Ninh	2.087	1.868	(219)	34.225	13
30	Kiên Giang	17	8	(9)	34.158	881
31	Phú Thọ	2.084	2.499	415	33.108	21
32	Thái Nguyên	1.645	1.499	(146)	32.640	26
33	Sóc Trăng	9	18	9	32.477	586
34	Hòa Bình	2.087	2.595	508	31.333	50
35	Bình Thuận	155	185	30	31.023	419
36	Hưng Yên	1.312	1.617	305	30.333	2
37	Quảng Nam	976	1.097	121	28.949	62
38	T.T.Huế	237	226	(11)	26.229	167
39	Đắk Lắk	989	1.262	273	24.484	100
40	Lâm Đồng	630	636	6	24.171	83
41	Ninh Bình	1.665	1.739	74	21.872	40
42	Thái Bình	1.282	1.385	103	21.731	9

TT	Địa phương, đơn vị	Số mắc ngày 22/02	Số mắc ngày 23/02	Tăng, giảm (-) so với ngày trước	Số mắc tích lũy đến 23/02	Số tử vong tích lũy đến 22/02
43	Quảng Ngãi	135	108	(27)	17.918	82
44	Lào Cai	2.056	1.406	(650)	17.880	12
45	Quảng Bình	567	825	258	16.281	24
46	Hậu Giang	6	9	3	16.242	203
47	Phú Yên	316	388	72	15.825	81
48	Hà Giang	181	1.057	876	15.589	38
49	Lạng Sơn	765	1.322	557	15.248	33
50	Sơn La	1.494		(1.494)	14.836	-
51	Gia Lai	461	314	(147)	14.641	44
52	Yên Bái	1.290	1.556	266	14.080	6
53	Tuyên Quang	845	1.277	432	13.181	5
54	Đắk Nông	232	264	32	12.801	33
55	Quảng Trị	494	327	(167)	11.589	11
56	Hà Nam	380	448	68	10.937	13
57	Hà Tĩnh	690	694	4	10.515	7
58	Ninh Thuận	14	19	5	7.083	57
59	Cao Bằng	649	873	224	6.979	12
60	Điện Biên	499	560	61	6.751	3
61	Kon Tum	157	155	(2)	5.639	-
62	Lai Châu	388	371	(17)	4.068	-
63	Bắc Kạn	233	103	(130)	2.965	5
14 ngày qua không có lây nhiễm thứ phát tại địa phương:						
Đã qua 14 ngày không ghi nhận ca mắc mới:					202	-
	BVNĐ TW				96	
	BV K				106	
	Tổng cộng	55.871	60.338	4.467	2.965.092	39.647

PHỤ LỤC 2
PHÂN BỐ VÀ KẾT QUẢ TIÊM CHỦNG VẮC XIN PHÒNG COVID-19 TẠI 63 TỈNH, THÀNH PHỐ
(Tính đến hết ngày 22/02/2022)

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bố 126 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bố 126 đợt
1	Hà Nội	17.732.612	6.219.141	5.967.900	0	232.124	3.445.342	696.495	672.560	17.233.562	97,2%
2	Hải Phòng	4.404.320	1.692.708	1.613.773	0	544.926	296.185	173.347	174.386	4.495.325	102,1%
3	Thái Bình	3.110.940	1.151.523	1.189.537	96.673	233.692	243.846	150.029	146.157	3.211.457	103,2%
4	Nam Định	3.173.360	1.139.671	1.119.337	0	58.446	253.898	157.820	143.236	2.872.408	90,5%
5	Hà Nam	1.839.760	581.811	572.126	0	272.828	220.981	70.959	69.138	1.787.843	97,2%
6	Ninh Bình	1.747.960	636.194	654.320	0	235.036	106.122	82.166	76.925	1.790.763	102,4%
7	Thanh Hoá	7.685.680	2.352.904	2.135.658	228.432	277.605	100.758	282.438	278.513	5.656.308	73,6%
8	Bắc Giang	3.686.480	1.305.661	1.288.142	0	159.744	921.291	149.767	149.254	3.973.859	107,8%
9	Bắc Ninh	3.032.450	1.133.376	1.086.367	0	360.184	356.622	115.527	108.163	3.160.239	104,2%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 126 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 126 đợt
10	Phú Thọ	2.398.740	999.217	996.627	0	272.437	190.443	124.912	123.397	2.707.033	112,9%
11	Vĩnh Phúc	2.262.070	786.991	767.435	0	233.962	219.143	114.123	112.099	2.233.753	98,7%
12	Hải Duong	3.234.630	1.325.793	1.258.883	4.595	91.139	353.082	157.247	153.881	3.344.620	103,4%
13	Hưng Yên	2.458.262	820.979	792.189	0	285.844	226.390	110.141	108.368	2.343.911	95,3%
14	Thái Nguyên	2.312.690	918.015	884.472	12.792	198.180	142.325	108.213	106.691	2.370.688	102,5%
15	Bắc Cạn	565.100	215.948	210.667	0	10.437	29.948	24.836	21.379	513.215	90,8%
16	Quảng Ninh	3.125.858	1.007.655	972.389	0	21.625	833.415	119.421	110.336	3.064.841	98,0%
17	Hoà Bình	1.616.610	549.628	516.247	0	219.643	139.012	75.444	71.462	1.571.436	97,2%
18	Nghệ An	5.478.880	2.005.436	1.998.146	499.033	570.777	618.628	281.138	267.952	6.241.110	113,9%
19	Hà Tĩnh	2.250.650	800.466	730.679	0	203.177	109.499	112.855	106.866	2.063.542	91,7%
20	Lai Châu	777.270	255.253	244.236	0	104.549	73.624	53.342	47.730	778.734	100,2%
21	Lạng Sơn	1.604.890	503.552	491.284	0	0	371.204	66.528	62.859	1.495.427	93,2%
22	Tuyên	1.354.160	486.993	467.519	0	35.763	141.026	70.237	67.026	1.268.564	93,7%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 126 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 126 đợt
	Quang										
23	Hà Giang	1.572.780	480.614	457.471	269	83.866	157.558	87.233	76.684	1.343.695	85,4%
24	Cao Bằng	873.380	348.765	327.927	0	71.302	87.976	45.439	41.350	922.759	105,7%
25	Yên Bái	1.612.060	513.629	500.340	0	258.639	188.871	78.940	75.560	1.615.979	100,2%
26	Lào Cai	1.483.760	463.763	449.955	0	249.850	105.147	80.171	74.097	1.422.983	95,9%
27	Sơn La	1.746.280	734.473	689.780	2.314	0	140.947	140.799	130.874	1.839.187	105,3%
28	Điện Biên	1.115.500	339.330	313.403	0	181.853	78.612	72.701	58.744	1.044.643	93,6%
Cộng miền Bắc		84.257.132	29.769.489	28.696.809	844.108	5.467.628	10.151.895	3.802.268	3.635.687	82.367.884	97,8%
29	Quảng Binh	1.384.770	531.710	515.389	0	118.019	63.000	79.475	68.557	1.376.150	99,4%
30	Quảng Trị	1.222.182	429.670	414.103	9.938	60.086	109.444	61.914	59.275	1.144.430	93,6%
31	TT- Huế	2.294.176	786.145	761.723	0	239.240	198.170	102.409	98.227	2.185.914	95,3%
32	Tp. Đà Nẵng	2.145.682	862.593	854.564	0	84.480	314.215	100.536	98.437	2.314.825	107,9%
33	Quảng	3.002.400	1.041.375	1.022.687	31.972	321.754	157.163	132.605	130.337	2.837.893	94,5%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 126 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 126 đợt
	Nam										
34	Quảng Ngãi	2.483.394	852.417	797.505	0	96.861	203.251	112.649	110.714	2.173.397	87,5%
35	Bình Định	2.798.680	1.047.849	1.011.669	52.243	327.627	172.646	140.800	136.543	2.889.377	103,2%
36	Phú Yên	1.632.454	624.586	595.113	502	68.596	164.790	85.054	80.618	1.619.259	99,2%
37	Khánh Hòa	2.835.860	975.662	948.468	0	391.114	355.110	117.249	115.658	2.903.261	102,4%
38	Ninh Thuận	1.236.810	430.390	399.641	0	123.109	108.222	60.524	55.645	1.177.531	95,2%
39	Bình Thuận	2.665.820	905.966	874.466	7.207	254.120	91.760	129.059	121.499	2.384.077	89,4%
Cộng miền Trung		23.702.228	8.488.363	8.195.328	101.862	2.085.006	1.937.771	1.122.274	1.075.510	23.006.114	97,1%
40	Kon Tum	984.090	320.418	317.900	9.065	90.055	51.936	58.941	55.506	903.821	91,8%
41	Gia Lai	2.602.452	995.965	907.240	75.572	133.408	130.368	167.563	145.006	2.555.122	98,2%
42	Đắk Lắk	3.255.460	1.253.942	1.182.408	0	443.108	118.904	177.965	162.076	3.338.403	102,5%
43	Đắk Nông	1.215.940	402.873	397.722	0	191.460	79.349	68.070	65.742	1.205.216	99,1%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 126 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 126 đợt
Cộng Tây Nguyên		8.057.942	2.973.198	2.805.270	84.637	858.031	380.557	472.539	428.330	8.002.562	99,3%
44	TP. HCM	20.331.840	7.459.520	6.796.969	12.340	745.350	3.926.933	722.555	704.106	20.367.773	100,2%
45	BR-VT	2.756.640	969.885	895.083	0	0	546.073	110.507	109.207	2.630.755	95,4%
46	Đồng Nai	6.321.360	2.617.342	2.252.318	0	160.760	454.455	284.173	271.486	6.040.534	95,6%
47	Tiền Giang	3.725.890	1.320.663	1.281.853	138.581	98.782	492.635	157.188	162.846	3.652.548	98,0%
48	Long An	4.327.790	1.499.408	1.454.595	30	18.424	942.481	171.046	154.317	4.240.301	98,0%
49	Lâm Đông	2.968.224	980.670	962.433	0	507.433	177.758	138.209	119.587	2.886.090	97,2%
50	Tây Ninh	2.581.560	948.277	888.870	10.161	30.414	457.897	109.003	100.396	2.545.018	98,6%
51	Cần Thơ	2.765.418	943.223	939.687	5.907	325.727	215.695	108.781	101.249	2.640.269	95,5%
52	Sóc Trăng	2.641.060	887.380	865.520	0	638.791	45.652	116.852	111.026	2.665.221	100,9%
53	An Giang	4.054.292	1.363.186	1.343.264	189.777	426.708	212.457	203.533	188.481	3.927.406	96,9%
54	Bến Tre	2.992.580	1.022.504	1.003.395	0	452.030	190.675	106.936	103.606	2.879.146	96,2%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 126 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 126 đợt
55	Trà Vinh	2.088.470	698.874	685.171	0	14.376	443.219	98.456	90.955	2.031.051	97,3%
56	Vĩnh Long	2.337.120	777.580	759.776	0	286.756	254.251	91.545	87.120	2.257.028	96,6%
57	Đồng Tháp	3.614.810	1.153.784	1.146.467	148	369.975	225.197	158.940	141.952	3.196.463	88,4%
58	Bình Đương	6.162.150	2.382.084	1.947.651	0	22.104	280.752	186.968	141.929	4.961.488	80,5%
59	Bình Phước	2.212.180	751.934	719.662	0	212.931	134.786	109.584	100.949	2.029.846	91,8%
60	Kiên Giang	3.601.150	1.238.102	1.156.203	65.192	0	247.102	166.535	156.962	3.030.096	84,1%
61	Cà Mau	2.427.210	818.765	808.584	0	410.143	120.020	112.601	111.924	2.382.037	98,1%
62	Bạc Liêu	1.604.190	567.751	557.859	0	174.878	133.645	88.635	85.787	1.608.555	100,3%
63	Hậu Giang	1.529.630	531.807	511.784	0	247.804	72.410	74.042	71.613	1.509.460	98,7%
Cộng miền Nam		81.043.564	28.932.739	26.977.144	422.136	5.143.386	9.574.093	3.316.089	3.115.498	77.481.085	95,6%

Ghi chú:

- 1.409.000 liều vắc xin AstraZeneca đợt 124 và 2.145.120 liều vắc xin Moderna đợt có Quyết định phân bổ ngày 14/02/2022; 902.160 liều vắc xin Moderna đợt 126 có Quyết định phân bổ ngày 19/02/2022. (Tỉnh Thanh Hóa được phân bổ lượng lớn vắc xin 124 và 125 => Tỷ lệ tiêm/số vắc xin phân bổ thấp).

- Một số tỉnh, thành phố có số tiêm mũi 1, mũi 2 cao hơn dân số từ 18 tuổi trở lên và số tiêm mũi 2 cao hơn mũi 1 do di biến động dân cư.

- Số phân bổ trên bảng chưa bao gồm 65.030 liều vắc xin kiểm định, lưu mẫu; 310.000 liều cấp cho các đơn vị theo yêu cầu của nhà tài trợ (Tập đoàn Vạn Thịnh Phát, Đại sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam, VNVC) và số phân bổ của Bộ Quốc phòng/Bộ Công an.

- Bộ Quốc phòng được cấp 1.646.220 liều vắc xin, đơn vị y tế của Bộ Quốc phòng đã triển khai tiêm được 1.409.577 liều, trong đó có 574.604 mũi 1, 519.399 mũi 2 và 315.574 liều nhắc lại.

- Bộ Công an được cấp 1.342.680 liều, đơn vị y tế của Bộ Công an triển khai tiêm được 136.259 liều, trong đó có 59.924 mũi 1, 37.872 mũi 2 và 38.463 liều nhắc lại; Số vắc xin do tỉnh, thành phố hỗ trợ triển khai được tổng hợp vào kết quả tiêm của tỉnh.

PHỤ LỤC 3
TỶ LỆ BAO PHỦ VẮC XIN PHÒNG COVID-19 TẠI 63 TỈNH, THÀNH PHỐ
(Tính đến hết ngày 22/02/2022)

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
1	Hà Nội	5.449.464	676.050	100,0%	100,0%	63,2%	100,0%	99,5%
2	Hải Phòng	1.442.515	168.000	100,0%	100,0%	20,5%	100,0%	100,0%
3	Thái Bình	1.245.000	150.000	92,5%	95,5%	19,6%	100,0%	97,4%
4	Nam Định	1.159.000	145.000	98,3%	96,6%	21,9%	100,0%	98,8%
5	Hà Nam	612.219	72.258	95,0%	93,5%	36,1%	98,2%	95,7%
6	Ninh Bình	665.715	81.762	95,6%	98,3%	15,9%	100,0%	94,1%
7	Thanh Hoá	2.389.774	282.970	98,5%	89,4%	4,2%	99,8%	98,4%
8	Bắc Giang	1.280.197	150.059	100,0%	100,0%	72,0%	99,8%	99,5%
9	Bắc Ninh	1.146.710	116.710	98,8%	94,7%	31,1%	99,0%	92,7%
10	Phú Thọ	1.010.520	128.757	98,9%	98,6%	18,8%	97,0%	95,8%
11	Vĩnh Phúc	789.896	115.958	99,6%	97,2%	27,7%	98,4%	96,7%
12	Hải Dương	1.344.063	157.641	98,6%	93,7%	26,3%	99,8%	97,6%
13	Hưng Yên	826.028	112.803	99,4%	95,9%	27,4%	97,6%	96,1%
14	Thái Nguyên	918.061	107.936	100,0%	96,3%	15,5%	100,0%	98,8%
15	Bắc Cạn	220.169	25.202	98,1%	95,7%	13,6%	98,5%	84,8%
16	Quảng Ninh	1.020.234	121.623	98,8%	95,3%	81,7%	98,2%	90,7%
17	Hoà Bình	570.146	73.734	96,4%	90,5%	24,4%	100,0%	96,9%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
18	Nghệ An	1.960.688	274.429	100,0%	100,0%	31,6%	100,0%	97,6%
19	Hà Tĩnh	795.436	115.398	100,0%	91,9%	13,8%	97,8%	92,6%
20	Lai Châu	261.410	52.540	97,6%	93,4%	28,2%	100,0%	90,8%
21	Lạng Sơn	506.403	65.750	99,4%	97,0%	73,3%	100,0%	95,6%
22	Tuyên Quang	488.140	72.401	100,0%	95,8%	28,9%	97,0%	92,6%
23	Hà Giang	490.008	89.928	98,1%	93,4%	32,2%	97,0%	85,3%
24	Cao Bằng	368.973	44.257	94,5%	88,9%	23,8%	100,0%	93,4%
25	Yên Bái	510.271	79.169	100,0%	98,1%	37,0%	99,7%	95,4%
26	Lào Cai	445.152	79.914	100,0%	100,0%	23,6%	100,3%	92,7%
27	Sơn La	737.237	141.675	99,6%	93,6%	19,1%	99,4%	92,4%
28	Điện Biên	336.229	74.737	100,0%	93,2%	23,4%	97,3%	78,6%
Cộng miền Bắc		28.989.658	3.776.661	100,0%	99,0%	35,0%	100,0%	96,3%
29	Quảng Bình	541.719	79.538	98,2%	95,1%	11,6%	99,9%	86,2%
30	Quảng Trị	453.602	69.712	94,7%	91,3%	24,1%	88,8%	85,0%
31	TT- Huế	779.911	103.142	100,0%	97,7%	25,4%	99,3%	95,2%
32	Tp. Đà Nẵng	885.070	102.225	97,5%	96,6%	35,5%	98,3%	96,3%
33	Quảng Nam	1.086.469	140.387	95,8%	94,1%	14,5%	94,5%	92,8%
34	Quảng Ngãi	852.717	114.877	100,0%	93,5%	23,8%	98,1%	96,4%
35	Bình Định	1.115.072	146.514	94,0%	90,7%	15,5%	96,1%	93,2%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
36	Phú Yên	649.673	85.684	96,1%	91,6%	25,4%	99,3%	94,1%
37	Khánh Hòa	952.940	128.449	100,0%	99,5%	37,3%	91,3%	90,0%
38	Ninh Thuận	419.775	61.690	100,0%	95,2%	25,8%	98,1%	90,2%
39	Bình Thuận	902.470	128.964	100,0%	96,9%	10,2%	100,0%	94,2%
Cộng miền Trung		8.639.418	1.161.182	98,3%	94,9%	22,4%	96,6%	92,6%
40	Kon Tum	338.741	60.751	94,6%	93,8%	15,3%	97,0%	91,4%
41	Gia Lai	950.154	173.530	100,0%	95,5%	13,7%	96,6%	83,6%
42	Đắk Lắk	1.266.098	185.763	99,0%	93,4%	9,4%	95,8%	87,2%
43	Đắk Nông	404.872	68.824	99,5%	98,2%	19,6%	98,9%	95,5%
Cộng Tây Nguyên		2.959.865	488.868	100,0%	94,8%	12,9%	96,7%	87,6%
44	TP. HCM	6.826.573	831.740	100,0%	99,6%	57,5%	86,9%	84,7%
45	BR-VT	956.596	112.724	100,0%	93,6%	57,1%	98,0%	96,9%
46	Đồng Nai	2.489.971	292.031	100,0%	90,5%	18,3%	97,3%	93,0%
47	Tiền Giang	1.300.609	158.524	100,0%	98,6%	37,9%	99,2%	100,0%
48	Long An	1.452.231	167.662	100,0%	100,0%	64,9%	100,0%	92,0%
49	Lâm Đồng	972.137	131.801	100,0%	99,0%	18,3%	100,0%	90,7%
50	Tây Ninh	954.662	103.358	99,3%	93,1%	48,0%	100,0%	97,1%
51	Cần Thơ	947.860	112.746	99,5%	99,1%	22,8%	96,5%	89,8%
52	Sóc Trăng	866.520	111.555	100,0%	99,9%	5,3%	100,0%	99,5%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
53	An Giang	1.371.622	198.826	99,4%	97,9%	15,5%	100,0%	94,8%
54	Bến Tre	1.038.922	104.446	98,4%	96,6%	18,4%	100,0%	99,2%
55	Trà Vinh	698.227	96.275	100,0%	98,1%	63,5%	100,0%	94,5%
56	Vĩnh Long	769.026	91.692	100,0%	98,8%	33,1%	99,8%	95,0%
57	Đồng Tháp	1.245.157	159.614	92,7%	92,1%	18,1%	99,6%	88,9%
58	Bình Dương	2.361.053	194.210	100,0%	82,5%	11,9%	96,3%	73,1%
59	Bình Phước	758.594	107.044	99,1%	94,9%	17,8%	100,0%	94,3%
60	Kiên Giang	1.190.277	172.958	100,0%	97,1%	20,8%	96,3%	90,8%
61	Cà Mau	813.771	112.247	100,0%	99,4%	14,7%	100,0%	99,7%
62	Bạc Liêu	572.580	90.822	99,2%	97,4%	23,3%	97,6%	94,5%
63	Hậu Giang	536.163	70.270	99,2%	95,5%	13,5%	100,0%	100,0%
Cộng miền Nam		28.122.551	3.420.545	100,0%	95,9%	34,0%	96,9%	91,1%

PHỤ LỤC 4
Công tác liên quan đến phòng, chống dịch COVID-19
của một số Bộ, ngành

I. Bộ Quốc phòng

Tình hình nhập xuất cảnh qua biên giới đường bộ từ 16h00 ngày 21/02/2022 đến 16h00 ngày 22/02/2022:

- Tổng xuất nhập cảnh: 5.265 lượt người (nhập cảnh: 2.267, xuất cảnh: 2.998).
- + Tuyến VN-TQ: 1.828 lượt người (nhập cảnh: 892, xuất cảnh: 936).
- + Tuyến VN-Lào: 2.388 lượt người (nhập cảnh 1.096, xuất cảnh: 1.292).
- + Tuyến VN-CPC: 1.049 lượt người (nhập cảnh 279; xuất cảnh: 770).
- Bàn giao cho y tế địa phương cách ly: 373 người trong đó:
- + Số người nhập cảnh qua cửa khẩu: 269 người (VN-TQ: 47; VN-Lào: 51, VN-CPC: 171).
- + Số người nhập cảnh trái phép: 102 người (VN-TQ: 12; VN-Lào: 02, VN-CPC: 88).
- + Số người trao trả: 02 người (VN-TQ: 02; VN-Lào: 0, VN-CPC: 0).

II. Bộ Công an

Tình hình nhập xuất cảnh qua đường hàng không từ ngày 21/02/2022 tới ngày 22/02/2022:

- Tổng số người nước ngoài nhập xuất cảnh: 907 lượt người (nhập cảnh: 680 lượt người; xuất cảnh: 227 lượt người).
- Tổng số công dân Việt Nam nhập xuất cảnh: 1.718 lượt người (nhập cảnh: 820 lượt người; xuất cảnh: 898 lượt người).

III. Thông tấn xã Việt Nam

Ngày 23/02, TTXVN đăng phát, cung cấp cho các cơ quan báo chí, thông tin trực tiếp đến công chúng 42 tin/bài tiếng Việt; 60 ảnh trong nước và quốc tế; 28 tin/bài bằng các ngữ Anh, Pháp, Trung, Tây Ban Nha, Nga; Trung tâm Truyền hình Thông tấn sản xuất và phát sóng tin, phóng sự về diễn biến dịch bệnh, công tác phòng, chống COVID-19 ở trong nước và các vấn đề liên quan, cập nhật diễn biến dịch bệnh trên thế giới. Trung tâm Thông tin tư liệu và Đồ họa thực hiện đồ họa cập nhật diễn biến dịch bệnh tại Việt Nam và thế giới, công tác tiêm vaccine phòng COVID-19; công tác điều trị, chăm sóc bệnh nhân: cập nhật quy định cách ly người tiếp xúc gần; tiêu chuẩn xuất viện đối với bệnh nhân điều trị tại các cơ sở y tế/tại nhà; tiêu chuẩn xuất viện đối với bệnh nhân có bệnh lý nền; tiêu chuẩn dỡ bỏ cách ly đối với bệnh nhân điều trị tại nhà...

Các đơn vị thông tin và Cơ quan thường trú tại các địa phương của TTXVN tiếp tục cập nhật thông tin về khuyến cáo của Bộ Y tế về phòng, chống dịch COVID-19; diễn biến tình hình dịch COVID-19 ở các địa phương; điều chỉnh các giải pháp cách ly F1, điều trị F0; quán triệt, phổ biến quy định về cách ly F1, F0 trong trường học; khuyến cáo người dân không chủ quan, lơ là trong công tác phòng chống dịch COVID-19, tăng cường phòng chống dịch COVID-19 trong tình hình mới, nhất là khi trẻ đã trở lại trường học trực tiếp; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm quy định phòng, chống dịch COVID-19...

Về thông tin quốc tế, các Cơ quan thường trú ngoài nước phối hợp với các đơn vị của TTXVN thông tin cập nhật diễn biến dịch bệnh tại các nước/khu vực trên thế

giới với một số thông tin đáng chú ý như: Indonesia rút ngắn thời gian chờ tiêm mũi nhắc lại đối với người cao tuổi; Số ca nhiễm tăng mạnh tại Hàn Quốc và Nhật Bản, tuy nhiên giới chức 2 nước đều đánh giá tình hình không đáng lo ngại; EU tiếp nhận du khách ngoại khối đã tiêm các vaccine được WHO công nhận; Số trẻ mắc COVID-19 tại Thái Lan gia tăng; Lào ghi nhận số ca mắc mới thấp nhất trong vài tháng trở lại đây; Hàn Quốc phê chuẩn vaccine tiêm cho trẻ từ 5-11 tuổi; Các nhà khoa học Australia thử nghiệm tiêm mũi vaccine tăng cường liều lượng thấp...

IV. Bộ Thông tin và truyền thông

1. Viễn thông

- Các DNVT di động tiếp tục duy trì việc cài đặt âm thông báo tại: Bà Rịa-Vũng Tàu, Bình Phước (từ 23/2, các doanh nghiệp bắt đầu dừng âm báo tại Bình Dương theo đề nghị của tỉnh).

- Tính đến hết 22/02, hệ thống tổng đài 19009095 đã tiếp nhận và xử lý gần 10.331.000 cuộc gọi (ngày 21/02 đã tiếp nhận và xử lý hơn 7 nghìn cuộc gọi).

10/2	11/2	12/2	13/2	14/2	15/2	16/2	17/2	18/2	19/2	20/2	21/2	22/2
9206	8943	7858	6229	7747	7776	8326	9277	9318	9485	7528	8112	7870

- Tổng đài hỗ trợ khai báo y tế 18001119:

Từ 18/5/2021 – 22/02/2022 đã tiếp nhận hơn 311 nghìn cuộc (ngày 22/02/2022 đã tiếp nhận 56 cuộc).

Tiêu chí	10/2	11/2	12/2	13/2	14/2	15/2	16/2	17/2	18/2	19/2	20/2	21/2	22/2
Cuộc gọi đến	55	54	47	57	53	56	59	80	65	59	62	51	56

2. Ứng dụng Công nghệ thông tin:

2.1. Triển khai ứng dụng PC-Covid:

- Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, đến ngày 30/9/2021, Bộ TT&TT đã hoàn tất việc phát triển một ứng dụng duy nhất của Ban Chỉ đạo phòng, chống Covid-19 Quốc gia lấy tên là PC-Covid. Ứng dụng PC-Covid đã được đưa lên Kho ứng dụng Apple và Google và chính thức được giới thiệu vào ngày 01/10/2021.

- Toàn quốc có tổng số điện thoại thông minh cài PC-Covid: 36.856.194 (= ngàn so với 22/02/2022, tăng 21.051 ngàn so với 28/4 – bắt đầu đợt dịch thứ 4), chiếm 38,42% dân số, 55,27% số điện thoại thông minh.

2.2 Triển khai QR code

Triển khai Nền tảng khai báo y tế điện tử và quản lý thông tin người ra vào địa điểm công cộng bằng mã vuông QR giúp truy vết nhanh, khi có trường hợp F0 dễ dàng phát hiện ngay danh sách các địa điểm công cộng mà F0 đã đến.

- Toàn quốc:

+ 3.754.977 điểm đăng ký

+ 134.643 điểm ghi nhận hoạt động.

- Tổng lượt quét mã QR để ghi nhận vào ra tại các địa điểm đăng ký: 253.060.122

2.3 Nền tảng quản lý tiêm chủng:

- Tổng số mũi tiêm thực tế: 192.9403.481

- Tổng số mũi tiêm đã cập nhật lên Nền tảng: 180.311.304

- Tỷ lệ tổng mũi tiêm trên nền tảng/ tổng mũi tiêm thực tế đạt: 93,72%

- Tổng số thuê bao cài đặt Số sức khỏe điện tử (SKĐT): 32.887.435
- Nền tảng quản lý tiêm chủng Covid-19 đã được hoàn thành và đang được triển khai tại các tỉnh, thành phố.

2.4 Triển khai Nền tảng hỗ trợ lấy mẫu và trả kết quả xét nghiệm theo hình thức điện tử trực tuyến

Trung tâm công nghệ phòng chống Covid-19 Quốc gia đã phối hợp cùng triển khai Nền tảng hỗ trợ lấy mẫu và trả kết quả xét nghiệm theo hình thức điện tử trực tuyến tại một số địa phương: Tây Ninh; Bình Dương; Bắc Giang; Đồng Nai; Đồng Tháp; Cần Thơ; Vĩnh Long; Bà Rịa – Vũng Tàu... và 26 địa phương khác cũng đang trong quá trình tập huấn đề chuẩn bị triển khai. Một số địa phương triển khai dữ liệu xét nghiệm tốt và có hiệu quả, điển hình là tỉnh Tây Ninh. Trên 90% dữ liệu kết quả xét nghiệm của Tây Ninh được số hoá trên Nền tảng, sẵn sàng chia sẻ và sử dụng.

- Tổng số mẫu nhập vào nền tảng hỗ trợ lấy mẫu: 18.745.709
- Tổng số kết quả xét nghiệm trả qua Bluezone/PCCovid của các tỉnh 7.7058.277

3. Báo chí, truyền thông

- Tin, bài về COVID-19 chiếm 14,5%/tổng tin, bài trên báo chí điện tử.
- Một số các cơ quan báo chí vẫn duy trì nhiều tin, bài về phòng, chống dịch: Báo Tin tức, Thanh niên, Lao động, VOV, Nhân dân, Tuổi trẻ, Tiền phong, Người lao động...

(1) Nhận định chung:

- Báo chí thông tin kịp thời về các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, BCĐ Quốc gia về phòng, chống dịch bệnh COVID-19; truyền thông theo Kế hoạch của Tiểu ban Truyền thông với thông điệp “*Linh hoạt thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch phù hợp, hiệu quả, bảo vệ sức khỏe, tính mạng và sinh hoạt bình thường của nhân dân, vì một Tết Nhâm Dần sum họp, an toàn*”.

- Tuyên truyền việc phục hồi, phát triển kinh tế của bộ, ngành, địa phương bên cạnh việc chống dịch.

- Tuyên truyền việc mở lại du lịch; việc học sinh, sinh viên đến trường...

- Báo chí vẫn tiếp tục tăng cường khuyến cáo, nâng cao ý thức của người dân, không được lơ là, chủ quan, xem nhẹ các biện pháp phòng, chống dịch khi số ca mắc trong cộng đồng ngày càng tăng cao.

(2) Thông tin về chỉ đạo chống dịch:

- Bộ Y tế vừa cập nhật ban hành “*Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị COVID-19 ở trẻ em*” trong bối cảnh đang có xu hướng gia tăng ca mắc mới ở trẻ em.

- Báo chí thông tin chia sẻ, khuyến cáo về việc người dân do tâm lý quá lo lắng vì COVID-19, nhiều F0 khi điều trị tại nhà đã tự tìm hiểu và tự dùng thuốc, trong đó có corticoid. Đã có trường hợp chảy máu tiêu hóa và nhiều trường hợp bệnh COVID-19 nặng hơn... Do vậy, người bệnh chỉ dùng các thuốc corticoid khi được bác sĩ kê đơn và phải dùng đúng liều lượng, thời gian do bác sĩ kê. Cần đặc biệt lưu ý là, các thuốc corticoid có rất nhiều tác dụng phụ khác kể cả khi dùng trong thời gian ngắn như gây tăng đường huyết, tăng nhãn áp, loạn thần, loét tiêu hóa... dùng dài có thể gây ức chế trục dưới đồi - tuyến yên - tuyến thượng thận, gây suy thượng thận cấp, gây loãng xương, rối loạn nội tiết... và nhiều tác dụng phụ nguy hiểm khác.

(3) Công tác phòng, chống dịch tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và một số địa phương:

- Thành phố Hồ Chí Minh:

+ Chiều 22/02, Ban Chỉ đạo phòng chống dịch COVID-19 và phục hồi kinh tế TP.HCM tổ chức buổi giao ban với các quận, huyện, TP Thủ Đức. Bí thư Thành ủy TP.HCM Nguyễn Văn Nên cho biết sau khi mở cửa lại hoạt động của trường học, du lịch, sản xuất kinh doanh và nhiều hoạt động khác, địa bàn đã gặp một số tình huống, diễn biến mới về dịch COVID-19. Trước thực trạng số F0 tăng, có nơi tăng cao, các địa phương cần nghiên cứu và đưa ra dự báo, biện pháp ứng phó kịp thời.

Tổng số ca đang mắc COVID-19 tại TP cũng tăng cao, từ khoảng 3.000 đến 4.000 trường hợp cách đây 3 tuần, hiện nay đã tăng lên 15.000 người đang mắc COVID-19.

+ Sở Y tế TP.HCM: TP đã ghi nhận số ca mắc mới ở trẻ em tăng cao, đặc biệt các em mới đi học lại. Về công tác điều trị cho trẻ em mắc COVID-19, 3 bệnh viện nhi của TP đang có 100 trường hợp F0 là trẻ em, trong đó 15 F0 chuyển đến từ các tỉnh. Hầu hết những bệnh nhân này không có triệu chứng hoặc triệu chứng nhẹ. Điều đáng lưu ý, 93% trẻ em dưới 12 tuổi, chưa được tiêm vắc xin COVID-19. Ngành y tế TP xem đây là đối tượng cần được quan tâm đặc biệt.

Sở Y tế TP cùng nhóm chuyên gia cũng cung cấp số điện thoại tư vấn từ xa tại 3 bệnh viện nhi nhằm tư vấn, giải đáp thắc mắc kịp thời cho giáo viên và phụ huynh. Các trung tâm y tế, trạm y tế được hướng dẫn cách chăm sóc, xử trí khi phát hiện ca mắc COVID-19 là trẻ em.

+ Theo kết quả tầm soát ngẫu nhiên biến chủng Omicron bằng xét nghiệm PCR tại TP.HCM từ ngày 10 đến 17/02, có 70/92 mẫu bệnh phẩm cho kết quả dương tính với biến chủng Omicron, chiếm 76%. Trước tình hình biến chủng Omicron lây lan tại cộng đồng, TP.HCM cho biết đã triển khai các biện pháp phòng chống dịch, trong đó tập trung hoàn thành chiến dịch tiêm chủng mùa xuân giai đoạn 2. Chiến dịch này sẽ kết thúc vào ngày 28/02. Để tăng cường miễn dịch trước biến chủng Omicron thì tiêm chủng là biện pháp cực kỳ quan trọng. Do đó, các quận huyện, TP Thủ Đức tiếp tục tổ chức, mời gọi người dân ra tiêm chủng. Người dân cần chủ động liên hệ địa phương để được tiêm chủng khi tới lượt.

- Thành phố Hà Nội:

+ Sở Y tế Hà Nội tối 22/2 cho biết trong 24 giờ qua TP ghi nhận 6.860 ca mắc mới, cao hơn hôm qua hơn 1.300 ca. Trong các ca bệnh mới phát hiện có 1.977 ca cộng đồng.

- Tỉnh Quảng Bình: Trung tâm Chỉ huy phòng, chống dịch COVID-19 tỉnh Quảng Bình biết, tỉnh ghi nhận thêm 988 ca nhiễm mới, trong đó có 811 ca được ghi nhận trong cộng đồng. Theo đó, trong số 811 trường hợp mắc mới ghi nhận tại cộng đồng có 181 ca tại TP. Đồng Hới, huyện Quảng Ninh có 48 ca, huyện Lệ Thủy 93 ca, huyện Bố Trạch 158 ca, thị xã Ba Đồn 104 ca, huyện Quảng Trạch 156 ca, huyện Tuyên Hóa 61 ca, huyện Minh Hóa 10. Cùng với đó có 177 ca ghi nhận trong các khu cách ly tập trung, cách ly tại nhà. Hiện toàn tỉnh Quảng Bình có 5526 F0 đang điều trị tại nhà. Công tác điều trị F0 tại nhà được triển khai hiệu quả và bảo đảm quy định. Để nâng cao hiệu quả điều trị tại nhà, ngành y tế tỉnh này đã hướng dẫn, tư vấn cụ thể, cấp các loại thuốc điều trị...

Để tiếp tục phòng, chống dịch hiệu quả, tỉnh Quảng Bình cũng đang đẩy nhanh chiến dịch tiêm chủng mùa xuân; rà soát, tiêm vắc-xin cho người từ 50 tuổi trở lên, các đối tượng nguy cơ cao.